

Phụ lục I:

Các sản phẩm dinh dưỡng

Kèm theo thư mời báo giá số /TM-TTYT ngày tháng năm 2025 của Trung tâm Y tế huyện Chợ Mới

TT	Danh mục hàng hóa	Thành phần	Dạng bào chế	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Sản phẩm đa vi chất cho trẻ em từ 6 tháng đến 59 tháng tuổi bị suy dinh dưỡng thấp còi	+ Vitamin A: 300 µg + Sắt: 10-12,5 mg + Kẽm: 5mg	Dạng cốm	Gói	7.470		
2	Sản phẩm đa vi chất cho trẻ em 5 đến dưới 16 tuổi bị suy dinh dưỡng.	+ Vitamin A: 300 µg + Sắt: 12,5-30 mg + Kẽm 5mg	Dạng cốm	Gói	37.710		
3	Chế phẩm dinh dưỡng ăn liền cho trẻ suy dinh dưỡng cấp tính từ 0 đến 72 tháng tuổi	+ Năng lượng: 520-550 Kcal + Proteins: (10-12%NL) + Chất béo: (45-60%NL) + Natri ≤ 290 mg + Kali ≤ 290mg/100 + Canxi: 300-600 mg + Phốt pho: 300-600 mg + Magie: 80-140 mg + Sắt: 10-14mg + Kẽm: 11-14mg + Đồng: 1.4-1.8mg + Selen: 20-40µg + I ốt: 70-140 µg + Vitamin A: 0.8-1,1 mg + Vitamin D: 15-20 µg + Vitamin E: ≥ 20 mg: + Vitamin K: 15-30 µg + Vitamin B1: ≥ 0,5 mg + Vitamin B2: ≥ 1.6 mg + Vitamin C: ≥ 50 mg + Vitamin B6: ≥ 0.6 mg + Vitamin B12: ≥ 1.6 µg + Axit Folic: ≥ 200 µg + Niacin: ≥ 5 mg + Axit Pantothenic: ≥ 3 mg + Biotin: ≥ 60 µg + Omega 6: 3-10%NL + Omega 3: 0,3-2,5%NL	Dạng sệt	Gói	4.060		
4	Vi chất sắt cho trẻ em gái vị thành niên từ 12 đến dưới 16 tuổi có kinh nguyệt	Sắt 60mg	Viên nén	Lọ (60 viên)	4.500		